

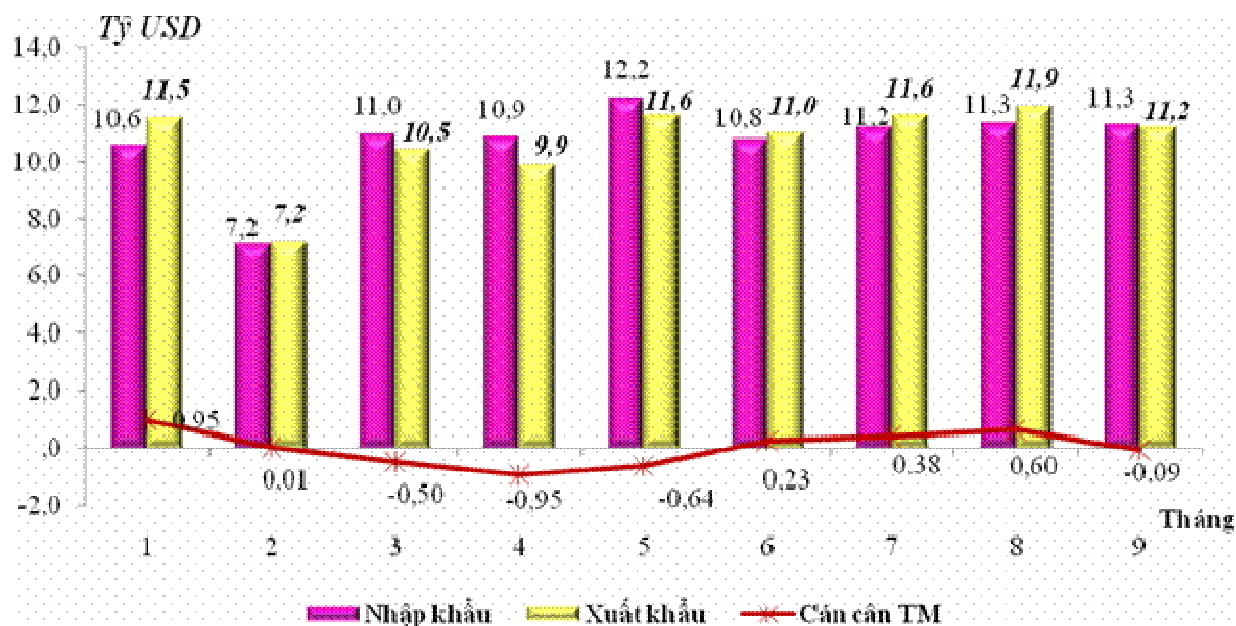
SƠ BỘ TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ CỦA VIỆT NAM THÁNG 9 VÀ 9 THÁNG NĂM 2013

Đánh giá chung

Theo số liệu thống kê sơ bộ mới nhất của Tổng cục Hải quan, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của cả nước trong tháng 9/2013 đạt gần 22,46 tỷ USD, giảm 3,4% so với kết quả thực hiện của tháng 8 trước đó; trong đó, xuất khẩu đạt 11,18 tỷ USD, giảm 6,2% và nhập khẩu là 11,27 tỷ USD, giảm nhẹ 0,4%. Với kết quả này, cán cân thương mại hàng hóa trong tháng 9 này của Việt Nam có mức thâm hụt nhẹ trị giá 88 triệu USD.

Như vậy, tính từ đầu năm đến hết tháng 9 năm 2013, tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam đạt 192,53 tỷ USD, tăng 15,3% so với cùng kỳ năm trước; trong đó, xuất khẩu đạt 96,27 tỷ USD, tăng 15,5% và nhập khẩu là 96,26 tỷ USD, tăng 15,1%. Kết quả là cán cân thương mại hàng hóa của Việt Nam khá cân bằng trong 3 quý tính từ đầu năm 2013.

Biểu đồ 1: Kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu và cán cân thương mại từ tháng 1/2013 đến hết tháng 9/2013



Ghi chú: Số liệu từ tháng 1 đến tháng 6/2013 là số liệu điều chỉnh, số liệu tháng 7, 8 và 9 là số liệu sơ bộ.

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Đối với khối doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), tổng trị giá hàng hóa xuất nhập khẩu[1] trong 9 tháng/2013 là 113,53 tỷ USD, tăng 26,6% và chiếm 59% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của cả nước; trong đó, xuất khẩu đạt 58,69 tỷ USD, tăng 27,6% và nhập khẩu là 54,84 tỷ USD, tăng 25,6% so với kết quả thực hiện của cùng kỳ năm trước.

Đối với khối doanh nghiệp có vốn hoàn toàn trong nước (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp trong nước), tổng trị giá hàng hóa xuất nhập khẩu trong 9 tháng/2013 là 79 tỷ USD, tăng 2,2% và chiếm 41% tổng kim

ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam; trong đó, xuất khẩu đạt 37,58 tỷ USD, tăng nhẹ 0,6% và nhập khẩu là 41,42 tỷ USD, tăng 3,7% so với kết quả thực hiện trong 9 tháng năm 2012.

Một số nhóm hàng xuất khẩu chính

Điện thoại các loại và linh kiện: Xuất khẩu nhóm hàng này trong tháng 9/2013 đạt 2,13 tỷ USD, tăng 15,6% so với tháng trước, trị giá xuất khẩu nhóm hàng này trong 9 tháng/2013 là 15,52 tỷ USD, tăng mạnh 79,8% (tương đương tăng 6,89 tỷ USD) so với cùng kỳ năm 2012.

Liên minh châu Âu (EU)^[2] là đối tác lớn nhất nhập khẩu nhóm mặt hàng điện thoại các loại và linh kiện xuất xứ từ Việt Nam với trị giá gần 6,15 tỷ USD, tăng 65,4% và chiếm 39,6% tổng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này của cả nước. Tiếp theo là các thị trường: Các Tiểu Vương quốc Ảrập thống nhất: 2,63 tỷ USD, gấp hơn 2,5 lần; Ấn Độ: 739 triệu USD, gấp gần 2,5 lần; Hồng Kông: 633 triệu USD, tăng 65,4%; Nga: 597 triệu USD, tăng 14,8%... so với cùng kỳ năm 2012.

Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện: Xuất khẩu nhóm hàng này trong tháng là gần 930 triệu USD, giảm 6,8% so với tháng trước, nâng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này trong 9 tháng/2013 lên 7,7 tỷ USD, tăng mạnh 43,9% (tương đương tăng 2,35 tỷ USD) so với cùng kỳ năm 2012.

Các thị trường chính nhập khẩu máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện từ Việt Nam trong 9 tháng/2013 bao gồm: Thị trường EU: 1,71 tỷ USD, tăng 76,1%; Trung Quốc: 1,63 tỷ USD, tăng 27,2%; Hoa Kỳ: 956 triệu USD, tăng 51,4%; Malaysia: 882 triệu USD, tăng 48%... so với cùng kỳ năm trước.

Hàng dệt may: Xuất khẩu nhóm hàng dệt may trong tháng 9/2013 đạt 1,66 tỷ USD, giảm 7,8% so với tháng trước, qua đó nâng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này trong 9 tháng/2013 lên 13,08 tỷ USD, tăng 17,3% so với cùng kỳ năm 2012. Trong đó: Kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may sang thị trường Hoa Kỳ đạt 6,4 tỷ USD, tăng 14%; sang EU đạt 1,98 tỷ USD, tăng 9,2%; sang Nhật Bản đạt 1,74 tỷ USD, tăng 20,1%...

Giày dép các loại: Kim ngạch xuất khẩu trong tháng đạt 549 triệu USD, giảm 25,1% so với tháng 8. Tính đến hết tháng 9/2013, xuất khẩu nhóm hàng giày dép đạt hơn 6 tỷ USD, tăng 15,1% so với cùng kỳ năm 2012. Trong đó, xuất khẩu sang thị trường EU là 2,05 tỷ USD, tăng 10% và chiếm 34,1% kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này của cả nước. Tiếp theo là xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ đạt 1,93 tỷ USD, tăng 17%; sang Nhật Bản đạt 291 triệu USD, tăng 17,3%... so với cùng kỳ năm 2012.

Dầu thô: Lượng xuất khẩu dầu thô trong tháng là 505 nghìn tấn, giảm 29,6% so với tháng 8/2013 với trị giá là 463 triệu USD, giảm 27,9%. Tính đến hết tháng 9/2013, lượng dầu thô xuất khẩu của cả nước là 6,2 triệu tấn, giảm 11,1%, kim ngạch đạt 5,35 tỷ USD, giảm 14,1% so với cùng kỳ năm trước.

Dầu thô của Việt Nam chủ yếu được xuất khẩu sang Nhật Bản: 1,77 triệu tấn, giảm 15,4%; sang Ôxtrâyliya: 1,29 triệu tấn, tăng 4%; sang Malaysia: 900 nghìn tấn, tăng 11,1%; sang Hàn Quốc: 626 nghìn tấn, tăng 4,1% so với cùng kỳ năm 2012.

Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác: Trong tháng 9/2013, xuất khẩu đạt 505 triệu USD, giảm 6,2%, qua đó nâng tổng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này trong 9 tháng năm 2013 lên gần 4,37 tỷ USD, tăng 5,1% so với cùng kỳ năm 2012.

Tính đến hết tháng 9/2013, xuất khẩu nhóm hàng này sang thị trường Nhật Bản là 881 triệu USD, giảm 3,3%; sang Hoa Kỳ: 723 triệu USD, giảm 2,6%; sang EU: 522 triệu USD, tăng 2,7%; sang thị trường Hồng Kông: 262 triệu USD, tăng 13,8%; sang Trung Quốc: 259 triệu USD, tăng 2%... so với cùng kỳ năm trước.

Thủy sản: Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trong tháng đạt 641 triệu USD, giảm 2,9% so với tháng trước, qua đó nâng tổng kim ngạch xuất khẩu trong 9 tháng lên 4,68 tỷ USD, tăng 4,7% so với cùng kỳ năm 2012.

Trong 9 tháng/2013, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam chủ yếu sang các thị trường sau: Hoa Kỳ đạt hơn 1 tỷ USD, tăng 15% so với cùng kỳ năm trước; EU: 816 triệu USD, giảm 3,4%; Nhật Bản: 788 triệu USD, tăng nhẹ 0,5%; Hàn Quốc: 327 triệu USD, giảm 10,8%...

Gỗ và sản phẩm gỗ: Xuất khẩu trong tháng gần 451 triệu USD, giảm 5,2% so với tháng trước, nâng tổng kim ngạch xuất khẩu trong 9 tháng/2013 lên 3,87 tỷ USD, tăng 14,9% so với cùng kỳ năm 2012.

Trong 9 tháng năm 2013, nhóm hàng gỗ và sản phẩm gỗ xuất sang Hoa Kỳ đạt 1,4 tỷ USD, tăng 8,6%; sang Trung Quốc: 716 triệu USD, tăng 31,3%; sang Nhật Bản: 579 triệu USD, tăng 19,9%; sang thị trường EU: 427 triệu USD, giảm 4%... so với cùng kỳ năm 2012.

Cao su: Tháng 9/2013, lượng xuất khẩu cao su là gần 118 nghìn tấn, trị giá là 265 triệu USD, tăng 10,4% về lượng và tăng 14,5% về trị giá so với tháng trước. Tính đến hết tháng 9/2013, tổng lượng xuất khẩu mặt hàng này của cả nước là hơn 726 nghìn tấn, tăng nhẹ 1,1%; trị giá đạt 1,72 tỷ USD, giảm 15,8% so với cùng kỳ năm 2012.

Trung Quốc vẫn là đối tác chính nhập khẩu cao su của Việt Nam trong 9 tháng qua với gần 325 nghìn tấn, giảm 7,6% và chiếm 44,7% lượng cao su xuất khẩu của cả nước. Tiếp theo là Malaixia: Gần 156 nghìn tấn, tăng 14,2% so với cùng kỳ năm 2012...

Gạo: Trong tháng 9/2013, cả nước xuất khẩu gần 461 nghìn tấn, giảm mạnh 30,1%, trị giá đạt hơn 206 triệu USD, giảm 28,4% so với tháng trước. Tính đến hết 9 tháng/2013, lượng xuất khẩu nhóm hàng này là 5,32 triệu tấn, giảm 14,7% và trị giá đạt 2,34 tỷ USD, giảm 17,2% so với cùng kỳ năm trước.

Trong 3 quý của năm 2013, Việt Nam xuất khẩu gạo chủ yếu sang các thị trường: Trung Quốc: 1,76 triệu tấn, tăng 2,7%; Bờ biển Ngà: 462 nghìn tấn, giảm nhẹ 0,5%; Philippin: 353 nghìn tấn, giảm 66%; Malaysia: 348 nghìn tấn, giảm 36,3%; Ghana: gần 300 nghìn tấn, tăng 14,1%... so với cùng kỳ năm 2012.

Hạt điều: Trong tháng 9/2013, cả nước xuất khẩu 23,4 nghìn tấn hạt điều với trị giá là 144 triệu USD, giảm 20,6% về lượng và giảm 25,1% về trị giá so với tháng trước. Tính đến hết 9 tháng/2013, lượng xuất khẩu mặt hàng này là gần 190 nghìn tấn, tăng 17,3% và trị giá đạt 1,2 tỷ USD, tăng 9,9% so với cùng kỳ năm trước.

Hoa Kỳ và Trung Quốc là hai đối tác chính nhập khẩu hạt điều từ Việt Nam với lượng nhập khẩu trong 9 tháng qua lần lượt là 60,7 nghìn tấn, tăng 34% và 35,4 nghìn tấn, tăng 15,9%. Như vậy, tổng lượng hạt điều Việt Nam xuất khẩu vào 2 thị trường này chiếm tới 50,7% lượng điều xuất khẩu của cả nước trong thời gian này.

Than đá: Trong tháng 9/2013, lượng xuất khẩu than đá là 804 nghìn tấn, tăng mạnh 108,8%, trị giá là 59 triệu USD, tăng 94,4% so với tháng 8. Như vậy, trong 9 tháng/2013, tổng lượng than xuất khẩu của cả nước là 9 triệu tấn, giảm 12,2% nhưng đơn giá xuất khẩu bình quân giảm 17% nên kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này đạt 651 triệu USD, giảm 26,7% so với cùng kỳ năm 2012.

Trung Quốc tiếp tục là đối tác lớn nhập khẩu than đá của Việt Nam với 6,85 triệu tấn, giảm 12,4% và chiếm 76% tổng lượng xuất khẩu mặt hàng này của cả nước. Tiếp theo là thị trường Nhật Bản: 872 nghìn tấn, tăng 4,8% và Hàn Quốc: 791 nghìn tấn, giảm 15,4%...

Một số nhóm hàng nhập khẩu chính

Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện: Trị giá nhập khẩu nhóm hàng này trong tháng đạt 1,73 tỷ USD, tăng 12,2% so với tháng trước. Trong 9 tháng/2013, nhập khẩu nhóm hàng này của khu vực FDI là 12,2 tỷ USD, tăng 48,2% và nhập khẩu của khu vực doanh nghiệp trong nước là hơn 1 tỷ USD, giảm 3% so với cùng kỳ năm trước.

Hàn Quốc tiếp tục là đối tác lớn nhất cung cấp nhóm hàng này cho Việt Nam với trị giá nhập khẩu là 3,88 tỷ USD, tăng mạnh 68,3%; tiếp theo là các thị trường: Trung Quốc: gần 3 tỷ USD, tăng 43,1%; Singapore: 1,58 tỷ USD, gấp 2,1 lần; Nhật Bản: 1,27 tỷ USD, tăng 5,4%... so với cùng kỳ năm 2012.

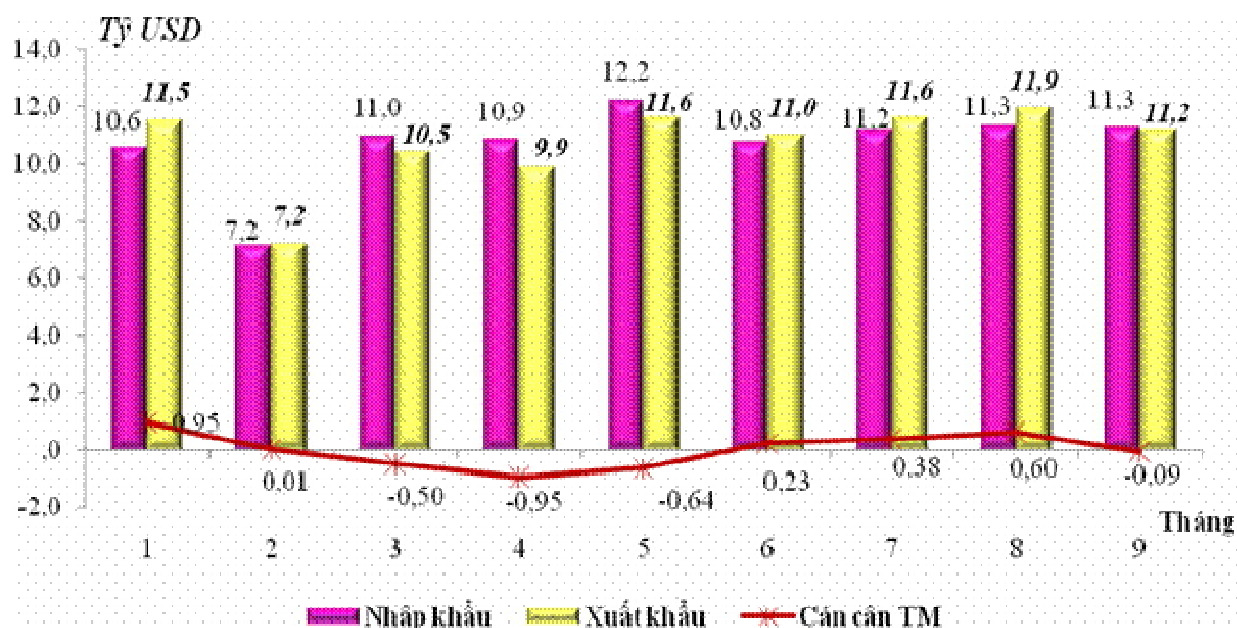
Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác: Trị giá nhập khẩu nhóm hàng này trong tháng là 1,59 tỷ USD, tăng 2,7% so với tháng trước. Tính đến hết 9 tháng/2013, khối các doanh nghiệp FDI nhập khẩu 7,65 tỷ USD, tăng 20,7% và khối các doanh nghiệp trong nước nhập khẩu gần 5,57 tỷ USD, giảm 2,4% so với 9 tháng/2012.

Trong 9 tháng qua, trị giá nhập khẩu nhóm hàng này từ Trung Quốc đạt 4,5 tỷ USD, tăng 17,5%; Nhật Bản: 2,14 tỷ USD, giảm 18,3%; Hàn Quốc: 2,02 tỷ USD, tăng mạnh 59,2%; Đài Loan: 639 triệu USD, giảm 3,6%...

Điện thoại các loại và linh kiện: Trong tháng 9/2013, cả nước đã nhập khẩu 954 triệu USD nhóm hàng này, tăng 32,2% so với tháng trước, nâng tổng trị giá nhập khẩu nhóm hàng này trong 9 tháng/2013 lên gần 6,14 tỷ USD, tăng 77,9% về số tương đối và tăng 2,69 tỷ USD về số tuyệt đối. Trong đó, nhập khẩu từ Trung Quốc là 4,33 tỷ USD, tăng 83,7%; Hàn Quốc: Gần 1,7 tỷ USD, tăng 94,5%.

Xăng dầu các loại: Lượng xăng dầu nhập khẩu (không kể dầu thô) trong tháng là gần 497 nghìn tấn, trị giá gần 475 triệu USD, giảm 28,5% về lượng và giảm 28,6% về trị giá so với tháng trước. Tính đến hết tháng 9/2013, tổng lượng xăng dầu nhập khẩu của cả nước là 5,47 triệu tấn, giảm 24,4%. Đơn giá nhập khẩu bình quân của nhóm hàng này giảm 3,2% nên trị giá nhập khẩu là 5,16 tỷ USD, giảm 26,8% về số tương đối và giảm 1,89 tỷ USD về số tuyệt đối, trong đó phần trị giá giảm do yếu tố lượng giảm là 1,72 tỷ USD và giảm do yếu tố giá giảm là 172 triệu USD.

Biểu đồ 2: Lượng nhập khẩu một số nhóm hàng xăng dầu trong 9 tháng/2013



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Lượng nhập khẩu xăng dầu của Việt Nam trong 9 tháng qua giảm mạnh, chủ yếu là giảm nhập khẩu từ thị trường chính Singapore với lượng nhập khẩu là 1,65 triệu tấn, giảm 44,7%. Lượng nhập khẩu từ một số thị trường khác như: Đài Loan: hơn 1 triệu tấn, giảm 6,4%; Trung Quốc: gần 915 nghìn tấn, giảm 4,8%; Cô Oét: 530 nghìn tấn, tăng 10,9%; Malaysia: 434 nghìn tấn, tăng 82,5%...

Nguyên vật liệu ngành dệt may, da, giày: Trị giá nhập khẩu nhóm hàng này trong tháng đạt 1,18 tỷ USD, giảm 2% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 9/2013, trị giá nhập khẩu nhóm hàng này đạt gần 10,77 tỷ USD, tăng 18,6% so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể: Trị giá nhập khẩu vải: Gần 6,05 tỷ USD, tăng 18,4%; nguyên phụ liệu: 2,73 tỷ USD, tăng 19%; xơ, sợi: 1,12 tỷ USD, tăng 8,9%; bông: 869 triệu USD, tăng 34,3%.

Việt Nam nhập khẩu nhóm hàng này chủ yếu từ các thị trường thuộc châu Á như: Trung Quốc: 4 tỷ USD, tăng 27,9%; Hàn Quốc: 1,89 tỷ USD, tăng 17,4%; Đài Loan: 1,53 tỷ USD, tăng 7%; Nhật Bản: 578 triệu USD, giảm 5,5%...

Sắt thép các loại: Lượng nhập khẩu sắt thép trong tháng đạt 785 nghìn tấn, tăng 2,4%; trị giá là 529 triệu USD, tăng 3,1%. Tính đến hết tháng 9/2013, tổng lượng nhập khẩu sắt thép của cả nước là 7,07 triệu tấn, trị giá là 5,02 tỷ USD, tăng 26,2% về lượng và tăng 11,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2012.

Sắt thép các loại nhập khẩu vào Việt Nam trong 9 tháng qua chủ yếu có xuất xứ từ: Trung Quốc: 2,63 triệu tấn, tăng 63,2%; Nhật Bản: 1,95 triệu tấn, tăng 26,2%; Hàn Quốc: 1,03 triệu tấn, giảm 6,2%; Đài Loan: 715 nghìn tấn, tăng 22,5%... so với 9 tháng/2012.

Thức ăn gia súc và nguyên liệu: Trị giá nhập khẩu trong tháng 8/2013 và tháng 9/2013 lần lượt là 304 triệu USD và 303 triệu USD. Tính đến hết tháng 9/2013, cả nước nhập khẩu 2,37 tỷ USD nhóm hàng này, tăng 36,6%; trong đó trị giá nhập khẩu khô dầu đậu tương là 1,32 tỷ USD, tăng 49,6% so với 9 tháng/2012.

Việt Nam nhập khẩu thức ăn gia súc & nguyên liệu trong 9 tháng qua chủ yếu từ các thị trường: Argentina: 775 triệu USD, tăng 66,3%; Hoa Kỳ: 300 triệu USD, tăng 56,1%; Ấn Độ: 276 triệu USD, tăng 32,6%; Brazil: 202 triệu USD, tăng 53,6%; Italia: 165 triệu USD, tăng 48,4%... so với cùng kỳ năm 2012.

Phế liệu sắt thép: Trong tháng 9/2013, cả nước nhập khẩu gần 244 nghìn tấn, trị giá là 88,4 triệu USD, giảm 11,6% về lượng và giảm 12,6% về trị giá so với tháng trước. Tính đến hết 9 tháng/2013, cả nước nhập khẩu gần 2,48 triệu tấn với trị giá 969 triệu USD, tăng 3,1% về lượng và giảm 9,3% về trị giá so với 9 tháng/2012.

Các thị trường chính xuất khẩu phế liệu sắt thép cho Việt Nam bao gồm: Hoa Kỳ: gần 420 nghìn tấn, tăng 14,3%; Nhật Bản: 357 nghìn tấn, gấp 2,2 lần; Ôxtrâyliya: 268 nghìn tấn, giảm 24,2%... so với cùng kỳ năm 2012.

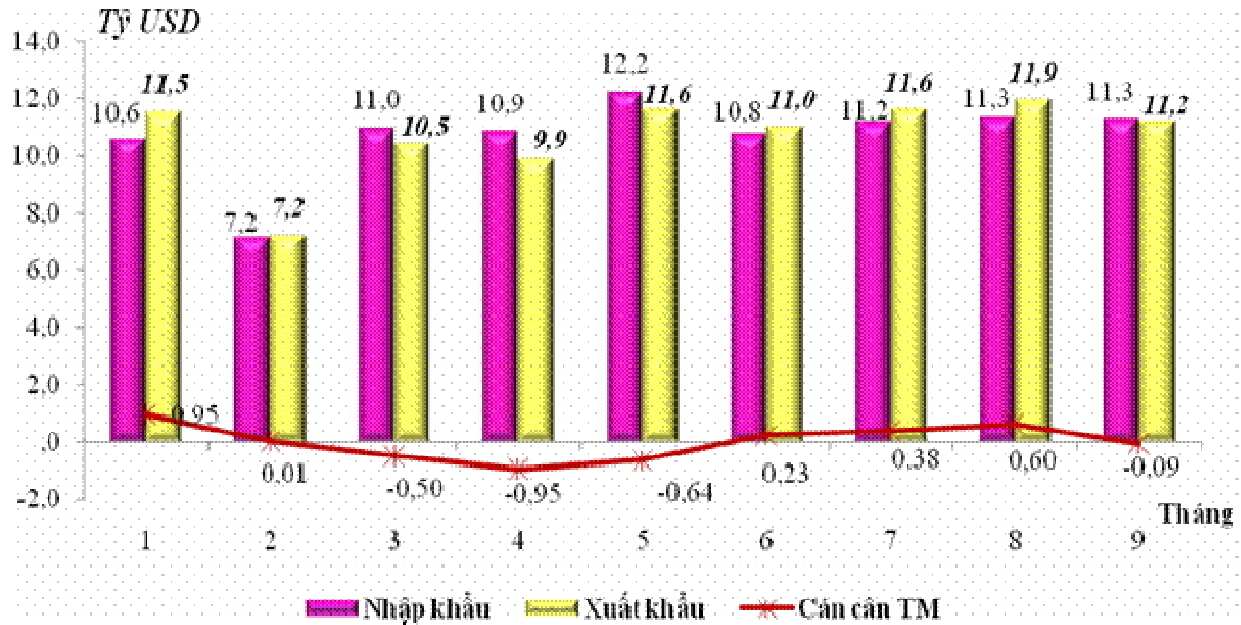
Chất dẻo nguyên liệu: Lượng nhập khẩu trong tháng 9/2013 là hơn 258 nghìn tấn, trị giá là 484 triệu USD, giảm 2,9% về lượng và tăng nhẹ 0,8% về trị giá so với tháng trước. Tính đến hết tháng 9/2013, tổng lượng nhập khẩu chất dẻo nguyên liệu của Việt Nam là hơn 2,3 triệu tấn, tăng 13,3%, kim ngạch nhập khẩu là gần 4,25 tỷ USD, tăng 19,1% so với cùng kỳ năm trước.

Trong 9 tháng qua, Việt Nam nhập khẩu nhóm hàng này chủ yếu từ các thị trường: Ả rập Xê út: 517 nghìn tấn, tăng 21,3%; Hàn Quốc: 470 nghìn tấn, tăng 23,8%; Đài Loan: 327 nghìn tấn, tăng 14,1%; Thái Lan: 227 nghìn tấn, tăng 1,8%... so với cùng kỳ năm 2012.

Phân bón các loại: Lượng phân bón các loại nhập khẩu trong tháng là 443 nghìn tấn, trị giá là 138 triệu USD, tăng 6,8% về lượng và giảm 0,8% về trị giá so với tháng trước, đơn giá nhập khẩu bình quân trong tháng giảm 7,2% so với tháng trước.

Tính từ đầu năm đến hết tháng 9/2013, tổng lượng phân bón các loại nhập khẩu vào Việt Nam lên đến 3,36 triệu tấn, tăng 20,5%; trong đó lượng nhập khẩu phân SA là 861 nghìn tấn, tăng 4,2%; phân Kali: 714 nghìn tấn, tăng 18,3%; phân DAP: 624 nghìn tấn, tăng 29,6%; phân Ure: 547 nghìn tấn, tăng 44%; phân NPK: 377 nghìn tấn, tăng 52,5% và phân bón loại khác là 241 nghìn tấn, giảm 4,6% so với cùng kỳ năm 2012.

Biểu đồ 3: Diễn biến đơn giá nhập khẩu bình quân của một số loại phân bón trong 9 tháng/2013



Trung Quốc tiếp tục là thị trường lớn nhất cung cấp phân bón cho Việt Nam trong 9 tháng/2013 với 1,71 triệu tấn, tăng 13,6% và chiếm 50,8% tổng lượng phân bón cả nước nhập về; tiếp theo là Philippin: 254 nghìn tấn, tăng 7,9%; Belarus: 224 nghìn tấn, giảm 3,6%; Nhật Bản: 219 nghìn tấn, tăng nhẹ 1,1%... so với cùng kỳ năm 2012.

Ô tô nguyên chiếc: Lượng nhập khẩu trong tháng là hơn 3,4 nghìn chiếc, tăng 61,9%, trong đó tăng mạnh ở các loại xe: Ô tô tải: 1,95 nghìn chiếc, tăng 59,7%; ô tô 9 chỗ ngồi trở xuống: 1,24 nghìn chiếc, tăng 78,4%; ô tô loại khác: 217 chiếc, tăng 52,8%. Trong tháng, lượng nhập khẩu xe ô tô trên 9 chỗ ngồi là 29 chiếc, giảm 47,3% so với tháng trước.

Tính từ đầu năm đến hết tháng 9/2013, tổng lượng ô tô nguyên chiếc nhập về là gần 25,2 nghìn chiếc, tăng 27,1%, trị giá là 494 triệu USD, tăng 10,1% so với cùng kỳ năm 2012.

Bảng 1: Cơ cấu nhập khẩu ô tô nguyên chiếc các loại trong 9 tháng/2013*Đơn vị tính: Chiếc*

STT	Loại xe	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9
1	Ô tô từ 9 chỗ ngồi trở xuống	2.010	672	1.166	1.740	1.476	1.866	911	697	1.242
2	Ô tô tải	789	749	1.014	1.084	1.704	1.513	1.408	1.217	1.950
3	Ô tô loại khác	200	103	278	247	241	198	269	209	246
Tổng cộng		2.999	1.524	2.458	3.071	3.421	3.577	2.588	2.123	3.438

Hàn Quốc tiếp tục là thị trường chính cung cấp ô tô nguyên chiếc cho Việt Nam với 10,88 nghìn chiếc, tăng 39,3% so với cùng kỳ năm 2012 và chiếm 43,2% tổng lượng ô tô nguyên chiếc nhập khẩu của cả nước; tiếp theo là Thái Lan: gần 5,7 nghìn chiếc, tăng 51,2%; Trung Quốc: 2,77 nghìn chiếc, giảm 13,4%; Nhật Bản: 1,54 nghìn chiếc, tăng 67,5%...

[1] Không tính dầu thô xuất khẩu.

[2] EU (27): Trong bản báo cáo này, Liên minh châu Âu (EU) vẫn được tính là 27 nước thành viên để đảm bảo tính so sánh với cùng kỳ các năm trước.